

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị thẩm định hồ sơ Đề án
sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hà Nam năm 2025**

Kính gửi:

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ.

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;

Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Căn cứ Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Kế hoạch số 47-KH/BCĐ ngày 14/4/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và tổ chức hệ thống chính quyền địa phương 02 cấp;

Thực hiện Thông báo số 1672-TB/TU ngày 16/4/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Nam về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh năm 2025; Thông báo số 1684-TB/TU ngày 22/4/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Nam về điều chỉnh một số nội dung phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh năm 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam đã ban hành các văn bản chỉ đạo các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện việc sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh. Đến nay, việc lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình đã hoàn thành; Hội đồng nhân dân (HĐND) cấp xã, HĐND cấp huyện, HĐND tỉnh Hà Nam đã tổ chức kỳ họp HĐND và ban hành Nghị quyết thông qua chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Hà Nam theo quy định.

Trên cơ sở kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình đảm bảo đạt trên 50% tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trên địa bàn các xã, phường, thị trấn chịu sự tác động của việc sắp xếp ĐVHC cấp xã; kết quả biểu quyết thống nhất tán thành chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã của HĐND các cấp.

UBND tỉnh Hà Nam kính trình Bộ Nội vụ hồ sơ Đề án về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Hà Nam năm 2025 với nội dung cơ bản như sau:

I. HIỆN TRẠNG VÀ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH HÀ NAM NĂM 2025

1. Hiện trạng ĐVHC các cấp của tỉnh Hà Nam

Tỉnh Hà Nam có diện tích tự nhiên là 861,93 km²; quy mô dân số là 1.013.705 người (trong đó, dân số thường trú là 981.801 người và dân số tạm trú là 31.904 người). Thực hiện Nghị quyết số 1288/NQ-UBTVQH15 ngày 14/11/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh Hà Nam giai đoạn 2023-2025, từ ngày 01/01/2025, tỉnh Hà Nam có 06 ĐVHC cấp huyện, gồm 03 huyện, 02 thị xã và 01 thành phố. Có 98 ĐVHC cấp xã, gồm 65 xã, 29 phường và 04 thị trấn.

Theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025, sau khi rà soát, tỉnh Hà Nam thực hiện sắp xếp đối với 98 ĐVHC cấp xã.

2. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Hà Nam

Căn cứ nguyên tắc sắp xếp ĐVHC và định hướng về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp quy định tại Điều 2 và Điều 5 của Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Trước khi sắp xếp, tỉnh Hà Nam có 98 ĐVHC cấp xã (gồm 65 xã, 29 phường, 04 thị trấn). Sau khi sắp xếp, tỉnh Hà Nam giảm còn

33 ĐVHC cấp xã (gồm 16 phường, 17 xã); giảm 65 ĐVHC cấp xã, tỷ lệ giảm đạt 66,3%. Cụ thể như sau:

2.1. Thành lập phường Duy Tiên trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,90 km², quy mô dân số là 10.941 người của xã Chuyên Ngoại, toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,84 km², quy mô dân số là 9.626 người của xã Trác Vãn, toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,13 km², quy mô dân số là 9.789 người của xã Yên Nam và một phần diện tích tự nhiên là 5,06 km², quy mô dân số là 9.601 người của phường Hoà Mạc, thị xã Duy Tiên. Sau khi thành lập, phường Duy Tiên có diện tích tự nhiên là 28,93 km² và quy mô dân số là 39.957 người.

2.2. Thành lập phường Duy Tân trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 12,81 km², quy mô dân số là 17.053 người của phường Châu Giang, toàn bộ diện tích tự nhiên là 15,43 km²; quy mô dân số là 11.108 người của xã Mộc Hoàn và một phần diện tích tự nhiên là 0,62 km², quy mô dân số là 138 người của phường Hoà Mạc, thị xã Duy Tiên. Sau khi thành lập, phường Duy Tân có diện tích tự nhiên là 28,86 km², quy mô dân số là 28.299 người.

2.3. Thành lập phường Đồng Văn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,24 km², quy mô dân số là 12.839 người của phường Bạch Thượng, toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,05 km², quy mô dân số là 10.080 người của phường Yên Bắc và toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,59 km², quy mô dân số là 11.565 người của phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên. Sau khi thành lập, phường Đồng Văn có diện tích tự nhiên là 18,88 km², quy mô dân số 34.484 người.

2.4. Thành lập phường Duy Hà trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,71 km², quy mô dân số là 8.436 người của phường Duy Minh, toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,50 km², quy mô dân số là 7.825 người của phường Duy Hải và một phần diện tích tự nhiên là 4,25 km², quy mô dân số là 8.049 người của phường Hoàng Đông, thị xã Duy Tiên. Sau khi thành lập, phường Duy Hà có diện tích tự nhiên là 15,46 km², quy mô dân số là 24.310 người.

2.5. Thành lập phường Tiên Sơn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 12,31 km², quy mô dân số là 13.852 người của xã Tiên Sơn, một phần diện tích tự nhiên là 5,30 km², quy mô dân số là 8.580 người của phường Tiên Nội và một phần diện tích tự nhiên là 6,35 km², quy mô dân số là 4.630 người của xã Tiên Ngoại, thị xã Duy Tiên. Sau khi thành lập, phường Tiên Sơn có diện tích tự nhiên là 23,96 km², quy mô dân số là 27.062 người.

2.6. Thành lập phường Lê Hồ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,69 km², quy mô dân số là 10.034 người của phường Đại Cương, toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,49 km², quy mô dân số là 10.324 người của phường Lê Hồ và toàn bộ diện tích tự nhiên là 9,09 km², quy mô dân số là 12.015 người của phường Đồng Hoá, thị xã Kim Bảng. Sau khi thành lập, phường Lê Hồ có diện tích tự nhiên là 22,27 km², quy mô dân số là 32.373 người.

2.7. Thành lập phường Nguyễn Úy trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,00 km², quy mô dân số là 7.623 người của phường Tượng Lĩnh, toàn

bộ diện tích tự nhiên là 10,34 km², quy mô dân số là 11.739 người của phường Tân Sơn và toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,87 km², quy mô dân số là 8.314 người của xã Nguyễn Úy, thị xã Kim Bảng. Sau khi thành lập, phường Nguyễn Úy có diện tích tự nhiên là 24,21 km², quy mô dân số là 27.676 người.

2.8. Thành lập phường Lý Thường Kiệt trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,06 km², quy mô dân số là 10.875 người của phường Thi Sơn, toàn bộ diện tích tự nhiên là 20,38 km², quy mô dân số là 4.171 người của xã Liên Sơn và toàn bộ diện tích tự nhiên là 26,22 km², quy mô dân số là 7.912 người của xã Thanh Sơn, thị xã Kim Bảng. Sau khi thành lập, phường Lý Thường Kiệt có diện tích tự nhiên là 53,66 km², quy mô dân số là 22.958 người.

2.9. Thành lập phường Kim Thanh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,65 km², quy mô dân số là 19.212 người của phường Tân Trụ và toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,84 km², quy mô dân số là 6.838 người của xã Hoàng Tây, thị xã Kim Bảng. Sau khi thành lập, phường Kim Thanh có diện tích tự nhiên là 13,49 km², quy mô dân số là 26.050 người.

2.10. Thành lập phường Tam Chúc trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 11,45 km², quy mô dân số là 6.911 người của xã Khả Phong, toàn bộ diện tích tự nhiên là 31,42 km², quy mô dân số là 6.252 người của phường Ba Sao và toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,69 km², quy mô dân số là 4.951 người của xã Thụy Lôi, thị xã Kim Bảng. Sau khi thành lập, phường Tam Chúc có diện tích tự nhiên là 46,56 km², quy mô dân số là 18.114 người.

2.11. Thành lập phường Kim Bảng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,06 km², quy mô dân số là 7.482 người của phường Quế, toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,13 km², quy mô dân số là 9.300 người của xã Văn Xá và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,03 km², quy mô dân số là 6.450 người của phường Ngọc Sơn, thị xã Kim Bảng. Sau khi thành lập, phường Kim Bảng có diện tích tự nhiên là 15,22 km², quy mô dân số 23.232 người.

2.12. Thành lập phường Hà Nam trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 10,41 km², quy mô dân số là 13.480 người của phường Lam Hạ, toàn bộ diện tích tự nhiên là 12,58 km², quy mô dân số là 11.354 người của phường Tân Hiệp, một phần diện tích tự nhiên là 2,16 km², quy mô dân số là 5.547 người của phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, một phần diện tích tự nhiên là 2,11 km², quy mô dân số là 1.745 người của phường Hoàng Đông, một phần diện tích tự nhiên là 1,56 km², quy mô dân số là 487 người của phường Tiên Nội và một phần diện tích tự nhiên là 1,16 km², quy mô dân số là 730 người của xã Tiên Ngoại, thị xã Duy Tiên. Sau khi thành lập, phường Hà Nam có diện tích tự nhiên là 29,98 km², quy mô dân số là 33.343 người.

2.13. Thành lập phường Phù Vân trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,10 km², quy mô dân số là 6.964 người của xã Kim Bình, toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,63 km², quy mô dân số là 11.534 người của xã Phù Vân và toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,61 km², quy mô dân số là 22.429 người của

phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý. Sau khi thành lập, phường Phù Vân có diện tích tự nhiên là 19,34 km², quy mô dân số là 40.927 người.

2.14. Thành lập phường Châu Sơn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,24 km², quy mô dân số là 12.229 người của phường Châu Sơn, toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,63 km², quy mô dân số là 9.327 người của phường Thanh Tuyền, thành phố Phủ Lý, toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,58 km², quy mô dân số là 11.792 người của thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm. Sau khi thành lập, phường Châu Sơn có diện tích tự nhiên là 17,45 km², quy mô dân số là 33.348 người.

2.15. Thành lập phường Phủ Lý trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 1,42 km², quy mô dân số là 36.703 người của phường Châu Cầu, toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,31 km², quy mô dân số là 8.637 người của phường Thanh Châu, toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,70 km², quy mô dân số là 15.452 người của phường Liêm Chính và một phần diện tích tự nhiên là 0,41 km², quy mô dân số là 2.101 người của phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý. Sau khi thành lập, phường Phủ Lý có diện tích tự nhiên là 11,84 km², quy mô dân số là 62.893 người.

2.16. Thành lập phường Liêm Tuyền trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,34 km², quy mô dân số là 9.882 người của xã Đình Xá, toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,09 km², quy mô dân số là 6.089 người của xã Trịnh Xá và toàn bộ diện tích tự nhiên là 9,01 km², quy mô dân số là 11.810 người của phường Tân Liêm, thành phố Phủ Lý. Sau khi thành lập, phường Liêm Tuyền có diện tích tự nhiên là 21,44 km², quy mô dân số là 27.781 người.

2.17. Thành lập xã Bình Lục trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,06 km², quy mô dân số là 14.881 người của xã Bình Nghĩa, toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,77 km², quy mô dân số là 11.634 người của xã Trảng An và toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,14 km², quy mô dân số là 8.710 người của xã Đồng Du, huyện Bình Lục. Sau khi thành lập, xã Bình Lục có diện tích tự nhiên là 23,97 km², quy mô dân số là 35.225 người.

2.18. Thành lập xã Bình Mỹ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 14,63 km², quy mô dân số là 18.779 người của thị trấn Bình Mỹ, toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,68 km², quy mô dân số là 6.886 người của xã Đồn Xá và toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,97 km², quy mô dân số là 7.588 người của xã La Sơn, huyện Bình Lục. Sau khi thành lập, xã Bình Mỹ có diện tích tự nhiên là 30,28 km², quy mô dân số là 33.253 người.

2.19. Thành lập xã Bình An trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,41 km², quy mô dân số là 8.283 người của xã Trung Lương, toàn bộ diện tích tự nhiên là 23,74 km², quy mô dân số là 22.042 người của xã Bình An và toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,61 km², quy mô dân số là 8.556 người của xã Ngọc Lũ, huyện Bình Lục. Sau khi thành lập, xã Bình An có diện tích tự nhiên là 37,76 km², quy mô dân số là 38.881 người.

2.20. Thành lập xã Bình Giang trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,32 km², quy mô dân số là 7.231 người của xã Bồ Đề, toàn bộ diện tích tự nhiên là 9,95 km², quy mô dân số là 10.197 người của xã Vũ Bản và toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,88 km², quy mô dân số là 6.915 người của xã An Ninh, huyện Bình Lục. Sau khi thành lập, xã Bình Giang có diện tích tự nhiên là 24,15 km², quy mô dân số là 24.343 người.

2.21. Thành lập xã Bình Sơn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,92 km², quy mô dân số là 9.772 người của xã Tiêu Động, toàn bộ diện tích tự nhiên là 11,85 km², quy mô dân số là 12.506 người của xã An Lão và toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,29 km², quy mô dân số là 10.197 người của xã An Đỗ, huyện Bình Lục. Sau khi thành lập, xã Bình Sơn có diện tích tự nhiên là 28,06 km², quy mô dân số là 32.475 người.

2.22. Thành lập xã Liêm Hà trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,60 km², quy mô dân số là 5.760 người của xã Liêm Phong, toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,16 km², quy mô dân số là 9.050 người của xã Liêm Cần và toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,19 km², quy mô dân số là 12.922 người của xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm. Sau khi thành lập, xã Liêm Hà có diện tích tự nhiên là 20,95 km², quy mô dân số là 27.732 người.

2.23. Thành lập xã Tân Thanh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 18,16 km², quy mô dân số là 8.264 người của xã Thanh Thủy, toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,43 km², quy mô dân số là 6.832 người của xã Thanh Phong và toàn bộ diện tích tự nhiên là 11,76 km², quy mô dân số là 11.219 người của thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm. Sau khi thành lập, xã Tân Thanh có diện tích tự nhiên là 36,35 km², quy mô dân số là 26.315 người.

2.24. Thành lập xã Thanh Bình trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,29 km², quy mô dân số là 6.201 người của xã Liêm Thuận, toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,42 km², quy mô dân số là 5.989 người của xã Liêm Túc và toàn bộ diện tích tự nhiên là 11,14 km², quy mô dân số là 9.495 người của xã Liêm Sơn, huyện Thanh Liêm. Sau khi thành lập, xã Thanh Bình có diện tích tự nhiên là 23,85 km², quy mô dân số là 21.685 người.

2.25. Thành lập xã Thanh Lâm trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 22,97 km², quy mô dân số là 10.806 người của xã Thanh Nghị, toàn bộ diện tích tự nhiên là 13,86 km², quy mô dân số là 11.165 người của xã Thanh Hải và toàn bộ diện tích tự nhiên là 16,08 km², quy mô dân số là 7.579 người của xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm. Sau khi thành lập, xã Thanh Lâm có diện tích tự nhiên là 52,91 km², quy mô dân số là 29.550 người.

2.26. Thành lập xã Thanh Liêm trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,17 km², quy mô dân số là 5.976 người của xã Thanh Tâm, toàn bộ diện tích tự nhiên là 9,13 km², quy mô dân số là 9.582 người của xã Thanh Hương và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,97 km², quy mô dân số là 8.051 người của xã Thanh Nguyên, huyện Thanh Liêm. Sau khi thành lập, xã Thanh Liêm có diện tích tự nhiên là 23,27 km², quy mô dân số là 23.609 người.

2.27. Thành lập xã Lý Nhân trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,32 km², quy mô dân số là 12.779 người của xã Hợp Lý, toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,18 km², quy mô dân số là 7.311 người của xã Văn Lý và toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,88 km², quy mô dân số là 12.093 người của xã Chính Lý, huyện Lý Nhân. Sau khi thành lập, xã Lý Nhân có diện tích tự nhiên là 18,38 km², quy mô dân số là 32.183 người.

2.28. Thành lập xã Nam Xang trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,00 km², quy mô dân số là 11.523 người của xã Công Lý, toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,19 km², quy mô dân số là 12.016 người của xã Nguyên Lý và toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,51 km², quy mô dân số là 10.611 người của xã Đức Lý, huyện Lý Nhân. Sau khi thành lập, xã Nam Xang có diện tích tự nhiên là 22,70 km², quy mô dân số là 34.150 người.

2.29. Thành lập xã Bắc Lý trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 15,07 km², quy mô dân số là 12.493 người của xã Chân Lý, toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,79 km², quy mô dân số là 8.205 người của xã Đạo Lý và toàn bộ diện tích tự nhiên là 10,31 km², quy mô dân số là 10.286 người của xã Bắc Lý, huyện Lý Nhân. Sau khi thành lập, xã Bắc Lý có diện tích tự nhiên là 31,17 km², quy mô dân số là 30.984 người.

2.30. Thành lập xã Vĩnh Trụ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,58 km², quy mô dân số là 11.449 người của xã Nhân Chính, toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,10 km², quy mô dân số là 14.329 người của thị trấn Vĩnh Trụ và toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,91 km², quy mô dân số là 10.380 người của xã Nhân Khang, huyện Lý Nhân. Sau khi thành lập, xã Vĩnh Trụ có diện tích tự nhiên là 17,59 km², quy mô dân số là 36.158 người.

2.31. Thành lập xã Trần Thương trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 12,99 km², quy mô dân số là 8.895 người của xã Trần Hưng Đạo, toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,82 km², quy mô dân số là 6.219 người của xã Nhân Nghĩa và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,51 km², quy mô dân số là 6.819 người của xã Nhân Bình, huyện Lý Nhân. Sau khi thành lập, xã Trần Thương có diện tích tự nhiên là 26,32 km², quy mô dân số là 21.933 người.

2.32. Thành lập xã Nhân Hà trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,21 km², quy mô dân số là 7.360 người của xã Xuân Khê, toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,76 km², quy mô dân số là 6.491 người của xã Nhân Mỹ và toàn bộ diện tích tự nhiên là 11,01 km², quy mô dân số là 10.684 người của xã Nhân Thịnh, huyện Lý Nhân. Sau khi thành lập, xã Nhân Hà có diện tích tự nhiên là 23,98 km², quy mô dân số là 24.535 người.

2.33. Thành lập xã Nam Lý trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 12,27 km², quy mô dân số là 10.953 người của xã Phú Phúc, toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,62 km², quy mô dân số là 10.585 người của xã Tiến Thắng và toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,80 km², quy mô dân số là 16.349 người của xã Hoà Hậu, huyện Lý Nhân. Sau khi thành lập, xã Nam Lý có diện tích tự nhiên là 28,69 km², quy mô dân số là 37.887 người.

3. Phương án sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và giải quyết chế độ, chính sách khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã

3.1. Phương án sắp xếp tổ chức bộ máy

a) Tổ chức đảng, đoàn thể chính trị - xã hội và các tổ chức khác

Việc sắp xếp, kiện toàn đối với các cơ quan, tổ chức của Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã: Thực hiện theo quy định của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ.

b) Tổ chức chính quyền địa phương

Các cơ quan, tổ chức của chính quyền địa phương khi sắp xếp ĐVHC cấp xã phải đảm bảo nguyên tắc thống nhất và gắn với việc sắp xếp tổ chức Đảng và tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp theo hướng dẫn của Đảng và Chính phủ. Chính quyền địa phương cấp xã gồm có HĐND và UBND. HĐND cấp xã thành lập 02 ban chuyên môn giúp việc là Ban Pháp chế và Ban Kinh tế - Xã hội. UBND cấp xã thành lập tối đa 04 phòng chuyên môn và tương đương gồm: Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Kinh tế (*đối với xã*) hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị (*đối với phường*); Phòng Văn hóa - Xã hội; Trung tâm phục vụ hành chính công.

Việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện hiện nay để chuyển giao, thành lập mới đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã sau sắp xếp thực hiện theo định hướng tại Kết luận số 137-KL/TW và hướng dẫn của các Bộ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực sự nghiệp. Sau khi chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động, căn cứ vào các quy định mới liên quan đến tổ chức hoạt động của đơn vị sự nghiệp, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện để bảo đảm hoạt động hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của người dân.

3.2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp

Tổng số cán bộ, công chức cấp huyện bố trí về cấp xã và số cán bộ, công chức cấp xã: Số được giao là 2.837 biên chế; Số có mặt là 2.610 người. Tổng số viên chức cấp huyện bố trí về cấp xã (bao gồm viên chức khối đảng, đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp công lập và Hội Chữ Thập đỏ): Số được giao là 12.014 biên chế; Số có mặt: 11.558 người. Số cán bộ, công chức, viên chức dự kiến nghỉ công tác theo quy định hiện hành là 459 người.

Trước mắt thực hiện bố trí sắp xếp đối với 2.193 cán bộ, công chức (sau khi giảm trừ dự kiến là 459 người nghỉ theo quy định hiện hành) tại 33 ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp. Chậm nhất là 05 năm kể từ ngày nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã có hiệu lực thi

hành, số lượng và việc bố trí lãnh đạo, quản lý, số lượng cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, tổ chức ở ĐVHC sau sắp xếp thực hiện theo quy định.

Về người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: Kết thúc việc sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hiện nay kể từ ngày 01/8/2025. UBND cấp xã xem xét, có thể sắp xếp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tham gia công tác tại thôn, tổ dân phố và thực hiện chế độ, chính sách đối với các trường hợp không bố trí công tác theo quy định.

3.3. Phương án và lộ trình sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau sắp xếp ĐVHC cấp xã

Ở 98 ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp hiện có 827 trụ sở; Trụ sở UBND cấp huyện hiện có 73 trụ sở. Sau khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã, dự kiến bố trí, sử dụng 756 trụ sở ở 33 ĐVHC cấp xã mới. Sau khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025, dự kiến sẽ dôi dư 71 trụ sở.

Việc bố trí, sử dụng trụ sở, xử lý tài chính, tài sản công sau sắp xếp ĐVHC thực hiện theo quy định của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài chính, tài sản công và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

III. QUY TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thực hiện các văn bản, Nghị quyết, Kết luận của Đảng; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025; Thông báo số 1672-TB/TU ngày 16/4/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Nam về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh năm 2025; Thông báo số 1684-TB/TU ngày 22/4/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Nam về điều chỉnh một số nội dung phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh năm 2025.

1. Xây dựng phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Hà Nam năm 2025, báo cáo Đảng ủy UBND tỉnh trình xin ý kiến Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Căn cứ định hướng phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025 đã được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua, xây dựng dự thảo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Hà Nam năm 2025 và xin ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị và địa phương.

3. Đăng tải dự thảo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh năm 2025 trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Hà Nam.

4. Tổ chức lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình, ý kiến của HĐND các cấp thông qua chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Hà Nam năm 2025.

5. Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, hoàn thiện hồ sơ đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Hà Nam năm 2025.

IV. HỒ SƠ ĐỀ ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA TỈNH HÀ NAM NĂM 2025

Căn cứ quy định tại Điều 9 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, hồ sơ Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Hà Nam năm 2025 bao gồm:

1. Tờ trình về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã.
2. Đề án về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Hà Nam năm 2025.
3. Báo cáo tổng hợp ý kiến Nhân dân, ý kiến của Hội đồng nhân dân các cấp.
4. Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã;
5. 02 tờ bản đồ, gồm 01 tờ bản đồ về hiện trạng địa giới của tất cả các ĐVHC cấp xã có liên quan và 01 tờ bản đồ về phương án sắp xếp các ĐVHC cấp xã.

(Có dự thảo các Văn bản kèm theo)

Trên đây là những nội dung cơ bản của Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025 của tỉnh Hà Nam; quy trình xây dựng Đề án và Hồ sơ Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Hà Nam năm 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam kính trình Chính phủ, Bộ Nội vụ xem xét, thẩm định trình cấp có thẩm quyền thông qua Đề án sắp xếp các ĐVHC cấp xã của tỉnh Hà Nam năm 2025. *./.*

Nơi nhận:

- Như trên (để báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;
- Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công Thông tin điện tử của tỉnh;
- VPUB: LĐVP, TCDNC, THNV;
- Lưu: VT, TCDNC(T).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Chữ ký)
Trương Quốc Huy